TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNCL** **TỈNH TV**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 260/2024/QĐST-HNGĐ	*CL, ngày 03 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 314/2024/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, Về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con " giữa:

- ***Nguyên đơn:*** chị Phạm Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp PTh, xã TM, huyện CT, tỉnh TV.

- ***Bị đơn:*** anh Lê Chí D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh TV.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55;71;72;81;107;116;117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị N, sinh năm 1987 với anh Lê Chí D, sinh năm 1991.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N với anh Lê Chí D được ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị N với anh Lê Chí D xác định có 02 con chung. Sau khi ly hôn chị Phạm Thị N được trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Ánh Tr, sinh ngày 06/05/2021, và cháu Lê Phú T, sinh ngày 22/9/2022, vì hiện nay cháu đang sống với chị, anh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu T do chị N không yêu cầu.

Anh Lê Chí D được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dạy cháu Tr và cháu T không ai được quyền ngăn cấm.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N với anh Lê Chí D, khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

- Nợ chung: Chị Phạm Thị N với anh Lê Chí D, khai không có, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm chục ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004198, ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh TV. Hoàn trả cho chị Nhi 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa

- Anh Lê Chí D không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện CL;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện CL.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Tâm